

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KON PLÔNG
TỈNH KON TUM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2019/HS - ST

Ngày: 21/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON PLÔNG TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nuôi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Niên

2. Bà Lương Thị Dân

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Kiên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum.

Đại diện VKSND huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2019/TLST – HS ngày 18 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 17/2019/QĐXXST – HS ngày 11 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. A Đ; tên gọi khác: không; sinh năm 1997 tại Kon Tum, nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: K Dong; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, con ông A N và bà Y R.

Tiền sự: Không, tiền án: 01 tiền án, ngày 27/3/2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” bị cáo chấp hành xong ngày 03/01/2018. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/7/2019 đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

2. A S; tên gọi khác: không; sinh năm 2000 tại Kon Tum, nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: K Dong; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, con ông A G và bà Y D.

Tiền án, tiền sự: Không, bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/7/2019 đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

- Những người bị hại:

+ Nguyễn Thị H; sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt tại phiên tòa).

+ Hà Minh K; sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum (Có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ A K; sinh năm 1945; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 21 giờ 40 phút ngày 07/7/2019, A Đ điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius màu đen Biển kiểm soát 76L4 - 025.52 chở A S đến quán tạp hóa của chị Nguyễn Thị H; trú tại: thôn V, xã Đ, huyện K để mua nước uống. Khi cách quán của chị H khoảng 15 mét, A Đ dừng xe mô tô lại và nói với A S “*Mày ở đây để tao vào mua nước uống*” A S đồng ý. A Đ xuống xe đi vào quán chị H mua nước uống, A S vẫn ngồi trên xe mô tô. Khi vào quán chị H mua nước, A Đ thấy túi xách màu hồng của chị H treo trên kệ hàng tạp hóa gần cửa phòng ngủ của chị H. Suy nghĩ bên trong túi xách có đựng tiền nên A Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc túi xách. A Đ trả tiền nước rồi đi ra ngoài đem hai chai nước cho A S. A Đ quay đầu xe mô tô lại hướng ra đường tỉnh lộ 676 và nói với A S “*Mày đợi ở đây, khi nào tao bảo chạy thì chạy*”. A S nghe A Đ nói vậy thì đồng ý và trả lời “*Ừ*”. A Đ quay lại quán chị H giả vờ hỏi mua thuốc hút, khi chị H đang quay lưng vào kệ hàng để lấy gói thuốc thì A Đ dùng tay phải của mình giật ngay túi xách của chị H đang treo ở kệ hàng tạp hóa rồi nhanh chóng chạy ra ngoài xe mô tô nơi A S đang chờ. Cùng lúc này, chị H đuổi theo ra đến cửa quán tạp hóa và hô “*Cướp, Cướp...*”. A S nhìn thấy A Đ chạy ra trên tay cầm một túi xách và nói A S “*Chạy, Chạy...*”, lúc này A S nghĩ A Đ đã lấy tài sản gì đó và A S muốn giúp A Đ chạy thoát. A S mở khóa nổ xe mô tô, A Đ chạy tới ngồi lên xe và cả hai cùng chạy ra đường tỉnh lộ 676 hướng về xã M, huyện K. Lúc này lực lượng Công an xã Đ đang làm nhiệm vụ tuần tra phát hiện sự việc, tiến hành truy đuổi và báo chốt lâm sản tại thôn V, xã Đ chốt chặn. Khi A Đ và A S vừa đến chốt lâm sản thì bị bắt giữ cùng với tang vật. Kiểm tra trong túi xách có số tiền là 1.579.000 đồng (*Một triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng*).

Tại kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG ngày 16/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kon Plông kết luận chiếc túi xách màu hồng của chị Nguyễn Thị H có giá trị 50.000 đồng (*Năm mươi nghìn đồng*). Như vậy, tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 1.629.000 đồng (*Một triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn đồng*).

Quá trình mở rộng điều tra xác định: Vào đêm ngày 02/7/2019, A S rủ A Đ đến quán tạp hóa của anh Hà Minh K đang bán quán ở thôn T, xã Đ, huyện K để trộm xăng để đổ vào xe máy của A S để đi chơi (A S biết nhà anh K không có ai ở

nhà vì đóng cửa mấy hôm nay), A Đ đồng ý. Cả hai đi bộ từ nhà của A S đến quán tạp hóa của nhà anh K (cách nhà A S khoảng 300 mét). Tại đây, A S, A Đ tìm đường vào quán tạp hóa của anh K nhưng không tìm được lối vào. Lúc này, A S đi sang bên kia đường đứng ở ngôi nhà bỏ hoang của A No đối diện với quán tạp hóa của nhà anh K đứng chờ. A Đ đi ra sau nhà bếp nơi có đặt 01 bồn nước sinh hoạt rồi theo đường bồn nước leo lên nhà anh K. Lúc này A Đ thấy A S đứng ở nhà A No, A S nhìn thấy A Đ ở trên mái nhà anh K, cả hai đều không nói gì với nhau. A Đ dỡ ngói vừa người vào rồi chui vào bên trong quán nhà anh K. Vào được bên trong, A Đ đi tìm xăng nhưng không thấy. Lúc này, A Đ nảy sinh ý định tìm tiền để lấy. A Đ nhìn thấy cửa phòng ngủ không đóng, A Đ đi thẳng vào phòng ngủ, đi đến kệ bằng gỗ, nhìn thấy con heo bằng đất thường dùng để đựng tiền tiết kiệm, A Đ cầm con heo bằng đất lên lắc, lắc nghe có tiếng kêu, A Đ nghĩ là có tiền. A Đ để con heo bằng đất xuống rồi quay ra ngoài kệ bán dao lấy 01 con dao bằng sắt có mũi nhọn, cán làm bằng nhựa đi lại phòng ngủ cầm con heo bằng đất lên cạy vào lỗ để rút tiền vào của con heo một lỗ vừa hai ngón tay thò vào. A Đ lấy hết tiền trong con heo rồi đặt con heo lại vị trí cũ và theo đường cũ đi ra ngoài đến chỗ A S và nói với A S “*Không có xăng, chỉ có tiền*”. A S hỏi bao nhiêu thì A Đ trả lời “*Không biết*”. Sau đó, cả hai cùng đi về, khi đến gần nhà của A S, A S đi vào nhà lấy 01 túi da màu đen của A S đưa ra đựng số tiền mà A Đ đã lấy. Cả hai tiếp tục đi về phòng ngủ của A Đ và đếm được số tiền là 23.700.000 đồng (*Hai mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng*). A Đ bàn với A S đem số tiền này đi tiêu xài và A S đồng ý. A S về nhà lấy xe mô tô Yamaha Sirius màu đen Biển kiểm soát 76L4 - 025.52 của gia đình rồi cùng với A Đ đến địa bàn thành phố Kon Tum tiêu xài cá nhân hết số tiền nói trên. Đến ngày 07/7/2019 A Đ và A S về lại xã Đ, huyện K và có hành vi cướp giật tài sản của chị H và bị bắt giữ.

Cáo trạng số: 14/CT - VKS ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông truy tố bị can A Đ về các tội “*Cướp giật tài sản*”, “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 và khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Truy tố bị can A S về các tội “*Cướp giật tài sản*”, “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 và khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 171; Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo A Đ mức án tù từ 21 (Hai mươi một) đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”. Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo A Đ từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/7/2019.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 171; Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo A S mức án tù từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”; Áp dụng Khoản 1 Điều 323; Điểm b, i, s

Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo A S từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 08/7/2019.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, lao động tự do không có thu nhập ổn định, nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 171, Điều 173 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo A Đ, khoản 5 Điều 171, Điều 323 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo A S.

Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra vụ án cướp giết tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông thu giữ 01 túi xách màu hồng, có quai, có đính bản kim loại ghi dòng chữ PRADA, có kích thước dài 30 cm x rộng 13 cm x cao 20 cm và số tiền mặt là 1.579.000 đồng (*Một triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng*). Xác định đây là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã trả lại cho chị H nên không đề cập.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện còn thu giữ 01 xe mô tô Biển kiểm soát 76L4 - 2552, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen bạc, không yếm, không gương chiếu hậu, là phương tiện mà A Đ, A S dùng để thực hiện hành vi cướp giết tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Quá trình điều tra xác định được xe mô tô là tài sản hợp pháp của ông A Klik là ông ngoại của A S. Ông A Klik không biết được việc A Đ, A S đã dùng xe mô tô để thực hiện hành vi phạm tội, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã trả lại cho ông A Klik nên không đề cập.

Trong vụ án trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông thu giữ 01 con dao dài 38 cm, cán bằng nhựa màu trắng; lưỡi nhọn, một mặt cắt, bằng kim loại, bản rộng 4,5 cm; 01 con heo đất màu vàng, kích thước dài 26 cm x cao 18 cm x rộng 16 cm. Xác định đây là tài sản hợp pháp của người bị hại anh Hà Minh K nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã trả lại cho anh K nên không đề cập.

Đối với 01 chiếc túi da màu đen của A S dùng đựng số tiền mà A Đ trộm cắp được để đem đi tiêu xài cá nhân, A Đ, A S khai nhận trong quá trình tiêu xài ở thành phố Kon Tum vứt ở phường Duy Tân nhưng không nhớ ở vị trí nào. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không thành.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Nguyễn Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông A K không yêu cầu A Đ, A S bồi thường nên không đề cập. Người bị hại anh Hà Minh K yêu cầu A Đ, A S bồi thường số tiền là 23.700.000 đồng (*Hai mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng*). Theo thỏa thuận giữa A Đ và A S, mỗi bị cáo sẽ bồi thường một nửa số tiền là 11.850.000 đồng (*Mười một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*). A S đã tự nguyện bồi thường cho anh K số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*), A Đ chưa thực hiện việc bồi thường cho anh K.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định: Vào đêm ngày 02/7/2019, A S rủ A Đ đến nhà anh K tại thôn T, xã Đ mục đích để trộm xăng đổ vào xe mô tô để đi chơi. Khi đến nơi A S đứng ngoài, A Đ đột nhập vào nhà anh K để trộm cắp xăng nhưng không có. Lúc này, A Đ thấy 01 con heo bằng đất bên trong có đựng tiền nên A Đ đã cạy ra lấy toàn bộ số tiền cất giấu vào người rồi ra ngoài nói với A S là không có xăng, chỉ có tiền rồi cả hai đi về nhà A Đ đếm được số tiền 23.700.000 đồng (*Hai mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng*). A Đ bàn với A S cùng tiêu xài số tiền đã trộm cắp được và A S đồng ý. Sau đó, cả hai xuống thành phố Kon Tum tiêu xài hết số tiền nói trên.

Vào khoảng 21 giờ 40 phút, ngày 07/7/2019 tại quán tạp hóa của chị H tại thôn V, xã Đ huyện K, tỉnh Kon Tum, A Đ khi phát hiện thấy 01 túi xách màu hồng của chị H treo trên kệ tạp hóa, A Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên nói A S chuẩn bị xe mô tô đứng chờ sẵn để tẩu thoát. Lợi dụng lúc chị H sơ hở, A Đ chạy lại giật túi xách rồi chạy ra ngoài bảo A S chờ chạy thoát. A S thấy vậy nhanh chóng nổ máy chờ A Đ bỏ chạy đến chốt lâm sản liên ngành thì bị bắt giữ. Tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 1.629.000 đồng (*Một triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn đồng*). Như vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi trên của bị cáo A Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 và tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo A S đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 và tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi và hậu quả nhưng đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây bức xúc, hoang mang, lo lắng cho nhân dân, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự và an toàn xã hội tại địa phương. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm minh theo quy định của pháp luật

tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra để trừng trị, giáo dục đối với các bị cáo đồng thời để răn đe phòng ngừa chung.

[4]. Để có căn cứ quyết định hình phạt, ngoài việc xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, cần xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo.

[5]. Đối với hành vi cướp giật tài sản, đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất ý chí từ trước về hành vi cướp giật tài sản.

[6]. Đối với A Đ: Là người nảy sinh ý định và trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản, do đó A Đ phải chịu trách nhiệm với vai trò vừa là người chủ mưu vừa là người thực hành tích cực về hành vi “*Cướp giật tài sản*”. Xét về nhân thân, bị cáo có nhân thân xấu, đã có 01 tiền án về hành vi trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích theo quy định mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, vì vậy bị cáo A Đ phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự để làm căn cứ quyết định mức hình phạt đối với bị cáo. Xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, nên cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo là người giữ vai trò chính nên hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[7]. Đối với A S: Là người không trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản nhưng đã tiếp nhận ý chí của A Đ, giúp A Đ nhanh chóng tẩu thoát cùng tài sản khỏi sự truy đuổi của Cơ quan chức năng. Vì vậy, A S phải chịu trách nhiệm với vai trò là người giúp sức tích cực về hành vi “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự. Xét về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đối với hành vi “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả nên cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để làm căn cứ quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Xét các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, điều kiện kinh tế khó khăn, không có thu nhập ổn định, do đó Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9]. Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông thu giữ 01 túi xách màu hồng, có quai, có đính bản kim loại ghi dòng chữ PRADA, có kích thước dài 30 cm x rộng 13 cm x cao 20 cm và số tiền là 1.579.000 đồng (*Một triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng*). Xác

định đây là tài sản hợp pháp của người bị hại Nguyễn Thị H nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã trao trả lại cho chị H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện còn thu giữ 01 xe mô tô Biển kiểm soát 76L4 – 025.52, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen bạc, không yếm, không gương chiếu hậu, là phương tiện mà A Đ, A S dùng để thực hiện hành vi cướp giật tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Quá trình điều tra xác định được xe mô tô là tài sản hợp pháp của ông A Klik là ông ngoại của A S. Ông A Klik không biết được việc A Đ, A S đã dùng xe mô tô để thực hiện hành vi phạm tội, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã trao trả lại cho ông A Klik là đúng quy định của pháp luật.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông thu giữ 01 con dao dài 38 cm, cán bằng nhựa màu trắng; lưỡi nhọn, một mặt cắt, bằng kim loại, bản rộng 4,5 cm; 01 con heo đất màu vàng, kích thước dài 26 cm x cao 18 cm x rộng 16 cm. Xác định đây là tài sản hợp pháp của người bị hại anh Hà Minh K nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã trao trả lại cho anh K là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với 01 chiếc túi da màu đen của A S dùng đựng số tiền mà A Đ trộm cắp được để đem đi tiêu xài cá nhân, A Đ, A S khai nhận trong quá trình tiêu xài ở thành phố Kon Tum vứt ở phường Duy Tân nhưng không nhớ ở vị trí nào. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không thành.

[10]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Nguyễn Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông A Klik không yêu cầu A Đ, A S bồi thường nên không đề cập. Người bị hại anh Hà Minh K yêu cầu A Đ, A S bồi thường số tiền là 23.700.000 đồng (*Hai mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng*). Theo thỏa thuận giữa A Đ và A S, mỗi bị cáo sẽ bồi thường một nửa số tiền là 11.850.000 đồng (*Mười một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*). Trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án A S đã tự nguyện bồi thường cho anh K số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*), A Đ chưa thực hiện việc bồi thường cho anh K.

[11]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải nộp tiền án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo A Đ phạm các tội “*Cướp giật tài sản*”, “*Trộm cắp tài sản*”.

Bị cáo A S phạm các tội “*Cướp giật tài sản*”, “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”

Áp dụng: Khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo A Đ 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo A Đ 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự buộc bị cáo A Đ phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 39 (Ba mươi chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/7/2019.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo A S 12 (Mười hai) tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”

Áp dụng: Khoản 1 Điều 323, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo A S 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự buộc bị cáo A S phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/7/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 587, Điều 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo A Đ phải bồi thường cho anh Hà Minh K số tiền 11.850.000 đồng (*Mười một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*). Buộc bị cáo A S phải tiếp tục bồi thường cho anh Hà Minh K số tiền 5.850.000đ (*Năm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất phát sinh trên số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 3, điểm a, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo A Đ phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 592.500 đồng (*Năm trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, buộc bị cáo A S phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 292.500 đồng (*Hai trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao, tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Plông;
- Công an huyện Kon Plông;
- Các bị cáo.
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Nuôi

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1. Trần Thị Ngọc Diệp

Lê Hữu Nuôi

2. Lê Xuân Niên